

Số: /QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày tháng 4 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

V/v phê duyệt bổ sung khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường trên địa bàn tỉnh Bắc Giang

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17/11/2010;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 22/2012/NĐ-CP ngày 26/3/2012 Quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản; số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản;

Căn cứ Quyết định số 219/QĐ-TTg ngày 17/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Thông báo số 974-TB/TU ngày 29/3/2022 của Thường trực Tỉnh ủy về danh mục khu vực mỏ dự kiến đấu giá và không đấu giá quyền khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường trên địa bàn tỉnh Bắc Giang;

Căn cứ Quyết định số 218/QĐ-UBND ngày 29/5/2013 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Danh mục khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Bắc Giang;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 185/TTr-TNMT ngày 13/4/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bổ sung thêm **35 điểm** mỏ khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường (đất san lấp, đất sét gạch và cát, sỏi) thuộc địa bàn các huyện (Yên Dũng, Việt Yên, Lạng Giang, Tân Yên, Yên Thế, Lục Nam, Lục Ngạn và Sơn Động) vào Danh mục khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Bắc Giang (đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 218/QĐ-UBND ngày 29/5/2013), với tổng diện tích **357 ha** (chi tiết theo Phụ lục đính kèm).

1. Cơ sở pháp lý khoanh định khu vực không đấu giá: Áp dụng điểm đ, điểm e khoản 1 Điều 22 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản.

2. Mục tiêu bổ sung: Cung cấp nguyên liệu (đất sét gạch) cho các dự án nhà máy gạch tuynel đã được chấp thuận đầu tư, đang hoạt động sản xuất; nguyên liệu (đất san lấp, cát sỏi) phục vụ xây dựng các công trình sử dụng vốn ngân sách nhà nước (phát triển hạ tầng giao thông; công trình thủy lợi) và các công trình phúc lợi thuộc chương trình xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Bắc Giang đến năm 2025 và những năm tiếp theo.

Điều 2.

1. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm:

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, cơ quan liên quan và UBND các huyện (Yên Dũng, Việt Yên, Lạng Giang, Tân Yên, Yên Thế, Lục Nam, Lục Ngạn và Sơn Động) tổ chức triển khai thực hiện Quyết định này; thông báo công khai các điểm mỏ được phê duyệt bổ sung trên trang thông tin điện tử của Sở Tài nguyên và Môi trường.

b) Tiếp nhận và thẩm định hồ sơ, tham mưu UBND tỉnh cấp phép thăm dò, khai thác khoáng sản tại các điểm mỏ nêu trên đảm bảo chặt chẽ, tuân thủ các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật.

2. UBND các huyện (Yên Dũng, Việt Yên, Lạng Giang, Tân Yên, Yên Thế, Lục Nam, Lục Ngạn và Sơn Động) có trách nhiệm:

a) Quản lý và bảo vệ các điểm mỏ khoáng sản trên địa bàn khi chưa được cấp phép thăm dò, khai thác. Thường xuyên kiểm tra, kịp thời phát hiện, ngăn chặn tình trạng khai thác khoáng sản trái phép, kiên quyết xử lý nghiêm các tổ chức, cá nhân vi phạm theo thẩm quyền hoặc báo cáo, đề xuất cơ quan cấp trên xem xét, xử lý theo quy định của pháp luật.

b) Chỉ đạo UBND các xã trực thuộc tăng cường công tác quản lý nhà nước về khoáng sản, bảo vệ tài nguyên khoáng sản trên địa bàn.

Điều 3. Giám đốc Sở, Thủ trưởng cơ quan thuộc UBND tỉnh; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Bắc Giang; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Chủ tịch UBND cấp xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Tổng Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam;
- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Báo Bắc Giang, Đài PT-TH Bắc Giang;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- + LĐVP, TH, TKCT, KTN;
- + Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- + Lưu: VT, TN.Toàn

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Ô Pích

**PHỤ LỤC: DANH MỤC KHU VỰC KHÔNG ĐẤU GIÁ QUYỀN KHAI THÁC KHOÁNG SẢN
LÀM VẬT LIỆU XÂY DỰNG THÔNG THƯỜNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BẮC GIANG**
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /4/2022 của UBND tỉnh Bắc Giang)

STT	Địa điểm	Hệ tọa độ VN2000, (KTT 107°, MC 3°)		Diện tích (ha)	Tài nguyên (1.000m ³)	Mục tiêu bổ sung khu vực không đấu giá	Cơ sở pháp lý khoanh định khu vực không đấu giá
		X (m)	Y(m)				
I	Huyện Yên Dũng: 04 điểm đất san lấp			41	5.400		
1	Khu vực Hòn Bông Lớn, thôn Sy, xã Nội Hoàng (khu I)	2348 708 2348 863 2348 796 2348 651	411 335 411 452 411 531 411 435	2	300	Cung cấp nhu cầu đất san lấp cho các Dự án: đường Quốc lộ 37; nâng cấp mở rộng đường gom tuyến cao tốc Hà Nội-Bắc Giang, đoạn từ cầu vượt QL37 đến cầu vượt QL17; nâng cấp, mở rộng đường nối từ ĐT.293 đến QL.17; đường vành đai 5 vùng Thủ đô; cải tạo, nâng cấp ĐT398 đoạn từ Đồng Việt đi thị trấn Neo và QL17 đoạn từ cổng Kem đi Tiền Phong; Đường gom chân đê từ đường dẫn cầu Đồng Sơn đến thôn Phấn Sơn, xã Đồng Sơn, TP Bắc Giang; Đường nối xã Nghĩa Trung huyện Việt Yên với đường Trần Hưng Đạo, phường Đa Mai, TP Bắc Giang; Mở rộng đường gom hai bên cao tốc Hà Nội - Bắc Giang	Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 22 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản
	Khu vực Hòn Bông Lớn, thôn Sy, xã Nội Hoàng (khu II)	2348 563 2348 366 2348 285 2348 349 2348 387	411 778 411 942 411 840 411 778 411 621	4	700		
2	Khu vực núi Yên Sơn, thôn Yên Hà, xã Yên Lư	2346 939 2347 044 2346 891 2346 867 2346 851 2346 827 2346 815 2346 759 2346 707 2346 593 2346 654 2346 666 2346 791 2346 743 2346 808	412 502 412 653 412 666 412 713 412 805 412 862 412 945 413 113 413 209 413 153 413 031 412 905 412 781 412 747 412 591	9	1.200	Cung cấp nhu cầu đất san lấp cho các Dự án: Đường huyện ĐH.5B (đoạn thị trấn Nham Biền đi Cụm công nghiệp Nham Sơn-Yên Lư); Đường huyện ĐH.5B (đoạn CCN Nham Sơn-Yên Lư đi đê tả Cầu Ba Tổng xã Yên Lư); Đường huyện ĐH.5B (Đoạn từ đê Tả Cầu Ba Tổng xã Yên Lư đi Việt Yên); Đường huyện ĐH.5B (đoạn Cảnh Thụy-Tư Mại- Neo); Tuyến đường ĐH.5B kéo dài kết nối xã Cảnh Thụy - xã Tiến Dũng - xã Lãng Sơn- xã Quỳnh Sơn với ĐT293	Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 22 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ

STT	Địa điểm	Hệ tọa độ VN2000, (KTT 107°, MC 3°)		Diện tích (ha)	Tài nguyên (1.000m ³)	Mục tiêu bổ sung khu vực không đấu giá	Cơ sở pháp lý khoanh định khu vực không đấu giá
		X (m)	Y(m)				
3	Khu vực núi Bê Tô, thôn Yên Hà, xã Yên Lư	2347 386 2347 793 2347 780 2347 588 2347 439 2347 318 2347 217 2347 195 2347 397 2347 412	412 245 412 277 412 679 412 640 412 608 412 591 412 519 412 429 412 372 412 325	18	2.000	Cung cấp nhu cầu đất san lấp cho các Dự án: Làm mới, nâng cấp, cải tạo đường giao thông các xã, thị trấn trên địa bàn huyện; Tuyến đường ĐH 4 (đoạn Công an huyện đi đê sông Cầu); Đường gom Cụm công nghiệp Nham Sơn-Yên Lư; Đường trục xã từ thôn Tây đi Biền Đông; Xây dựng tuyến đường cứu nạn và ứng phó với sự cố, thiên tai tại các xã vùng lũ thuộc lưu vực sông Thương, huyện Yên Dũng (ĐH.8B)	Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 22 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ
4	Khu vực núi Ba Xã (ba Hàng), thôn Liên Sơn, thôn Bình An, xã Tiên Phong	2348 058 2348 137 2348 253 2348 334 2348 257 2348 246 2348 166 2348 181 2348 142 2348 178 2348 158 2348 086 2347 956 2348 013 2347 974 2347 877 2347 936	415 304 415 465 415 411 415 536 415 562 415 534 415 558 415 596 415 627 415 675 415 703 415 715 415 561 415 531 415 463 415 433 415 356	8	1.200	Cung cấp nhu cầu đất san lấp cho các Dự án: Mở rộng TL 398 (cải tạo, nâng cấp Đường tỉnh 398 đoạn từ Đồng Việt đi thị trấn Nham Biền và Quốc lộ 17 đoạn từ cống Kem đi Tiên Phong); Dự án cải tạo, nâng cấp đường Trần Nhân Tông, Đường lên Non Vua; Dự án xây cầu Đồng Việt và đường dẫn lên cầu; Đường tỉnh 299, Đường nối từ tỉnh lộ 295B qua thôn Lược đến đường Võ Nguyên Giáp, thành phố Bắc Giang; Đường gom chân đê từ phường Mỹ Độ đến xã Đồng Sơn, thành phố Bắc Giang; Xây dựng đường dẫn cầu Á Lữ, thành phố Bắc Giang; cải tạo, nâng cấp từ đường QL1A qua thôn Thuyền, xã Đình Trì, thành phố Bắc Giang; Cải tạo, mở rộng nút giao giữa ĐT293 và đường dẫn lên cầu Đồng Sơn, TP Bắc Giang	Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 22 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ
II	Huyện Việt Yên: 02 điểm đất san lấp		22,5	3.200			
1	Khu vực núi Kê, thôn Kê, xã Quảng Minh và thôn Nội Ninh, xã Ninh Sơn	2348 492 2348 585 2348 624 2348 626 2348 722	404 970 404 972 405 010 405 039 405 030	7,5	1.200	Cung cấp nhu cầu đất san lấp cho các Dự án: Đường kết nối Quốc lộ 17- Khu Công nghiệp Việt Hàn- Khu Công nghiệp Đình Trám với Quốc lộ 37; Đường và cầu Hà Bắc 2, nối tuyến nhánh đường Vành đai IV với	Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 22 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ

STT	Địa điểm	Hệ tọa độ VN2000, (KTT 107 ^o , MC 3 ^o)		Diện tích (ha)	Tài nguyên (1.000m ³)	Mục tiêu bổ sung khu vực không đấu giá	Cơ sở pháp lý khoanh định khu vực không đấu giá
		X (m)	Y(m)				
		2348 740	405 056			Khu Công nghiệp Yên Phong và QL.18 (tỉnh Bắc Ninh); Tuyến đường QL37-QL17-Võ Nhai (Thái Nguyên); Tuyến đường kết nối từ đường tỉnh 298 đi khu công nghiệp Thượng Lan (đoạn qua xã Thượng Lan); Đầu tư xây dựng tuyến đường nối đường tỉnh 298 với đường vành đai Bích Động đi thành phố Bắc Giang; Đường nối từ ĐT294 đến QL37 qua địa bàn huyện Tân Yên và huyện Việt Yên	
		2348 824	405 087				
		2348 861	405 135				
		2348 874	405 189				
		2348 813	405 219				
		2348 763	405 203				
		2348 625	405 232				
		2348 567	405 159				
		2348 529	405 173				
		2348 501	405 224				
		2348 457	405 203				
		2348 424	405 065				
		2348 470	405 053				
		2348 453	405 004				
2	Khu vực núi Trúc Tay, thôn Trúc Tay, xã Vân Trung	2347 599	411 091	15	2.000	Cung cấp nhu cầu đất san lấp cho các Dự án: Đường trục nối QL37 với đường vành đai IV, huyện Việt Yên; Đầu tư xây dựng tuyến đường nối ĐT298B (thôn Khả Lý Thượng) với đường vành đai IV, huyện Việt Yên; Đường kết nối đường vành đai Bích Động với đường vành đai Đông Bắc, thành phố Bắc Giang; Tuyến đường từ Hồ Công Dự kéo dài đường Tự Dương Huy, huyện Việt Yên; Đường kết nối đường QL 17 với Cao tốc Hà Nội- Bắc Giang qua Khu công nghiệp Yên Lư và Khu Công nghiệp Vân Trung, huyện Việt Yên; ĐT298 (kéo dài đoạn Đình Nẻo- Liên Sơn- Trần Sơn- Tân Trung-ĐT294); ĐT298B (điểm đầu từ ĐT295B (xã Hồng Thái) - ĐT298 (Km14+200)-QL37-đường quy hoạch- giao cắt đường vành đai IV- sông Cầu (cầu Hà Bắc 1); Làm mới và nâng cấp, cải tạo đường giao thông các xã, thị trấn trên địa bàn huyện Việt Yên	Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 22 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ

STT	Địa điểm	Hệ tọa độ VN2000, (KTT 107°, MC 3°)		Diện tích (ha)	Tài nguyên (1.000m ³)	Mục tiêu bổ sung khu vực không đấu giá	Cơ sở pháp lý khoanh định khu vực không đấu giá
		X (m)	Y(m)				
III	Huyện Tân Yên: 02 điểm đất san lấp			7,5	850		
1	Khu vực đồi Dương Sơn, thôn Dương Sơn, xã Liên Sơn	2368 499 2368 608 2368 681 2368 745 2368 823 2368 879 2368 866 2368 798 2368 715 2368 590 2368 473 2368 498 2368 479	409 101 409 134 409 128 409 208 409 196 409 222 409 306 409 343 409 284 409 287 409 181 409 153 409 137	5	500	Cung cấp nhu cầu đất san lấp cho các Dự án: Đường kết nối từ ĐT 294 đi ĐT 398B (đoạn Phúc Đình xã Phúc Hòa đi xã Liên Chung, huyện Tân Yên); Đường từ ĐT 295 (đoạn trường Mâm non Ngọc Vân) đi ĐT297 (đoạn Đầm Lác, xã Việt Ngọc), huyện Tân Yên; Đường từ QL.17 (đoạn khu dân cư Tân Sơn - Liên Sơn) đi Đồng Điều Tân Trung, huyện Tân Yên; Đường từ Cụm công nghiệp Đồng Đình, thị trấn Cao Thượng đi ĐT 298; Đường vào khu xử lý rác Ngọc Vân, huyện Tân Yên; Đường từ Khu dân cư Chuôm Nho đi Cầu Trắng, thị trấn Nhã Nam; Đường nội thị Đình Giã (đoạn từ QL17 đi ĐT295, Thị trấn Cao Thượng); Đường từ ĐT295 đi ĐT298 (đoạn từ Cống Mọc đi Cống Mắm) thị trấn Cao Thượng, huyện Tân Yên; Đường Song Vân đi Ngọc Thiện (đoạn ĐT295- cây xăng Song Vân đi thôn Ái, xã Ngọc Thiện); Đường từ QL17 đi thôn Phú Khê, xã Quế Nham, huyện Tân Yên	Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 22 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ
2	Khu vực đồi Bờ Ngo, thôn Lý, xã Việt Lập	2363 541 2363 632 2363 684 2363 714 2363 699 2363 605 2363 547 2363 511 2363 501 2363 514	409 895 409 924 409 957 410 003 410 055 410 077 410 029 409 981 409 947 409 910	2,5	350	Cung cấp nhu cầu đất san lấp cho các Dự án: Đường liên xã từ QL 17 (đoạn gần thị trấn Nhã Nam) đi Phúc Sơn, huyện Tân Yên; Đường kết nối từ ĐT 294B đi ĐT 398B (đoạn Cầu Bù xã Song Vân đi xã Ngọc Lý), huyện Tân Yên; Đường Hoàng Quốc Việt (đoạn từ BCH Quân sự huyện đi ĐT 295), huyện Tân Yên; Đường vành đai TT Cao Thượng (đoạn Văn Miếu xã Việt Lập đi Tân Hòa xã Hợp Đức), huyện Tân Yên; Đường từ CCN Đồng Đình, thị trấn Cao Thượng đi ĐT 298, huyện Tân Yên	Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 22 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ

STT	Địa điểm	Hệ tọa độ VN2000, (KTT 107°, MC 3°)		Diện tích (ha)	Tài nguyên (1.000m ³)	Mục tiêu bổ sung khu vực không đấu giá	Cơ sở pháp lý khoanh định khu vực không đấu giá
		X (m)	Y(m)				
IV	Huyện Lục Nam (13 điểm)			134	16.860		
IV.1	Đất san lấp (10 điểm)			110	14.700		
1	Khu vực Hang Chiềng, thôn Độc Linh, xã Nghĩa Phương	2352 577 2352 537 2352 459 2352 308 2352 202 2352 164 2352 458 2352 571	443 139 443 234 443 341 443 423 443 350 443 179 443 031 443 084	10	1.000	Cung cấp nhu cầu đất san lấp cho các Dự án: Đường tỉnh 293 kéo dài từ Khám Lạng - Nghĩa Phương; Tuyến vào khu du lịch Suối Mỡ; Nâng cấp tuyến trục xã Cương Sơn	Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 22 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ
2	Khu vực Bãi Bằng, thôn An Sơn, xã Huyền Sơn	2350 385 2350 457 2350 426 2350 473 2350 613 2350 649 2350 586 2350 620 2350 461 2350 303 2350 154	437 207 437 257 437 275 437 345 437 282 437 300 437 362 437 435 437 467 437 633 437 289	10	1.000	Cung cấp nhu cầu đất san lấp cho các Dự án: Đường vành đai 5 vùng Thủ đô; Cải tạo mở rộng QL37 qua địa bàn huyện Lục Nam; Tuyến kết nối tuyến ĐT.299B - QL.37 đoạn qua xã Cẩm Lý	Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 22 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ
3	Khu đồi Thông Tin, thôn Đồng Dinh, thôn Nghè 1, xã Tiên Nha	2358 936 2358 998 2358 920 2359 004 2358 857 2358 757 2358 844 2358 869	440 393 440 492 440 737 440 872 440 915 440 495 440 416 440 360	8	1.000	Cung cấp nhu cầu đất san lấp cho Dự án: Đường vành đai huyện đoạn Giã Khê đi Cầu Sen, thị trấn Đồi Ngô và xã Tam Dị	Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 22 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ

STT	Địa điểm	Hệ tọa độ VN2000, (KTT 107°, MC 3°)		Diện tích (ha)	Tài nguyên (1.000m ³)	Mục tiêu bổ sung khu vực không đấu giá	Cơ sở pháp lý khoanh định khu vực không đấu giá
		X (m)	Y(m)				
4	Khu vực Cũi Bát, thôn Cẩm Nang, xã Tiên Nha	2358 731	441 610	7	700	Cung cấp nhu cầu đất san lấp cho Dự án: Tuyến đường tỉnh 289B (Cương Sơn, Tiên Nha, Đông Hưng)	Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 22 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ
		2358 790	441 658				
		2358 856	441 762				
		2358 886	441 837				
		2358 865	441 899				
		2358 875	441 915				
		2358 868	441 937				
		2358 822	441 951				
		2358 783	441 999				
		2358 727	441 994				
		2358 614	441 773				
2358 664	441 591						
5	Khu vực đồi Thông, thôn Liên Phong, xã Cẩm Lý và thôn Hoàng Lạt, xã Vũ Xá	2347 050	432 414	15	1.500	Cung cấp nhu cầu đất san lấp cho Dự án: Đường vành đai 5 vùng Thủ đô (qua địa bàn huyện Lục Nam)	Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 22 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ
		2347 493	432 458				
		2347 470	432 621				
		2347 418	432 668				
		2347 446	432 831				
		2347 288	432 879				
		2347 241	432 838				
		2347 045	432 731				
		2347 044	432 684				
		2347 078	432 644				
		2347 105	432 496				
2347 060	432 479						
6	Khu vực đồi Cao, đồi Thấp, thôn Hòn Tròn, thôn Hồ Trúc, xã Cẩm Lý	2344 698	433 474	10	1.500	Cung cấp nhu cầu đất san lấp cho Dự án: Đường vành đai 5 vùng Thủ đô (qua địa bàn huyện Lục Nam)	Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 22 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ
		2344 689	433 156				
		2344 592	433 026				
		2344 359	433 113				
		2344 372	433 405				
2344 506	433 357						

STT	Địa điểm	Hệ tọa độ VN2000, (KTT 107 ^o , MC 3 ^o)		Diện tích (ha)	Tài nguyên (1.000m ³)	Mục tiêu bổ sung khu vực không đấu giá	Cơ sở pháp lý khoanh định khu vực không đấu giá
		X (m)	Y(m)				
7	Khu vực núi Góm, thôn Liên Giang (Đàng) và thôn Vàng Ngọc, xã Huyền Sơn (khu I)	2354 055	439 235	7,5	1.000	Cung cấp nhu cầu đất san lấp cho các Dự án: Cải tạo nâng cấp đường từ huyện tuyến Phương Sơn- Yên Sơn (đoạn từ QL31 đi Trại 2 xã Yên Sơn); Nâng cấp tuyến đường huyện Bắc Lũng- Yên Sơn đoạn từ QL37 đi xã Yên Sơn; Nâng cấp đường trục xã Lan Mẫu; Tuyến đường huyện Phương Sơn- Thanh Lâm; Cải tạo QL31 đoạn qua huyện Lục Nam	Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 22 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ
		2354 099	439 345				
2354 047		439 385					
2354 088		439 457					
2354 150		439 471					
2354 188		439 619					
2354 168		439 855					
2354 025		439 684					
2353 988		439 504					
2353 997		439 406					
7	Khu vực núi Góm, thôn Liên Giang (Đàng) và thôn Vàng Ngọc, xã Huyền Sơn (khu II)	2353 917	439 331	7,5	1.000	Cung cấp nhu cầu đất san lấp cho các Dự án: Tuyến đường tỉnh 289B (Cương Sơn, Tiên Nha, Đông Hưng); Tuyến QL37 đi TT xã Khám Lạng; Cải tạo, nâng cấp đê điều trên địa bàn huyện, tỉnh (Dự án nâng cấp đê tả Lục Nam đoạn từ QL37 - Núi Sẻ và tuyến đê Vũ Xá - Đan Hội); Xây dựng mới tuyến 290B qua xã Tam Dị - Hồng Giang	Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 22 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ
		2353 976	439 396				
		2353 964	439 543				
		2353 990	439 685				
		2353 978	439 779				
		2353 762	439 729				
		2353 770	439 583				
		2353 797	439 486				
		2353 873	439 338				
		8	Khu vực Hòn Đụn, Bàu Gáo, thôn Dùm, xã Nghĩa Phương (Khu I)				
2354 243	448 868						
2354 257	448 906						
2353 977	449 115						
2353 926	449 068						
2353 881	449 100						
2353 754	449 015						
2353 813	448 940						
2353 929	448 946						
2354 037	449 036						
2354 112	448 968						
2354 074	448 926						

STT	Địa điểm	Hệ tọa độ VN2000, (KTT 107°, MC 3°)		Diện tích (ha)	Tài nguyên (1.000m ³)	Mục tiêu bổ sung khu vực không đấu giá	Cơ sở pháp lý khoanh định khu vực không đấu giá
		X (m)	Y(m)				
	Khu vực Hòn Đụn, Bầu Gáo, thôn Dùm, xã Nghĩa Phương (Khu II)	2353 602 2353 667 2353 652 2353 588 2353 473 2353 436 2353 345 2353 279 2353 177 2353 236 2353 223 2353 421	448 612 448 706 448 794 448 904 448 829 448 722 448 702 448 763 448 742 448 601 448 504 448 546	10	2.500	Cung cấp nhu cầu đất san lấp cho các Dự án: Xây dựng mới tuyến đường tỉnh 293C Vô Tranh - Đông Hưng; Cải tạo nâng cấp tuyến đường huyện Nghĩa phương - Trường Giang - Vô Tranh; Các dự án đường GT XD NTM các xã Trường Sơn, Bình Sơn, Vô Tranh, Lục Sơn, Trường Giang; Xây dựng hạ tầng, đường giao thông của 03 cảng tổng hợp (Yên Sơn, Vũ Xá, Huyền Sơn); Cải tạo, nâng cấp đường vào Khu di tích lịch sử thôn Đại Từ, xã Bảo Đài	Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 22 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ
9	Khu vực đồi Năm Hoàng, thôn Bãi Cả, xã Bình Sơn	2349 915 2349 993 2350 037 2350 153 2349 725 2349 581	458 267 458 346 458 300 458 417 458 619 458 424	10	1.000	Cung cấp nhu cầu đất san lấp cho các Dự án: Xây dựng tuyến kết nối suối Nước Vàng, xã Lục Sơn đi ĐT.293; Tuyến đường tỉnh 298 đoạn Cầu Bình, xã Bình Sơn đi suối ông Đức; Tuyến kết nối ĐT.293 - ĐT.289: Điểm đầu xã Nghĩa Phương, qua các xã Vô Tranh, xã Trường Sơn, điểm cuối giao với ĐT.289 thuộc xã Bình Sơn; Nâng cấp tuyến huyện từ Đèo Me đi Bãi Cả, xã Bình Sơn	Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 22 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ
10	Khu vực Dọc Bắc, thôn Vua Bà, xã Trường Sơn	2346 769 2346 712 2346 562 2346 562 2346 705 2346 746 2346 521 2346 442 2346 735	451 553 451 676 451 679 451 724 451 811 451 936 451 990 451 541 451 490	10	1.500	Cung cấp nhu cầu đất san lấp cho các Dự án: Cải tạo nâng cấp tuyến đường huyện đoạn từ UBND xã Trường Sơn đi bản Vua Bà; Xây dựng mới tuyến đường tỉnh 293C Vô Tranh - Đông Hưng; Cải tạo nâng cấp tuyến đường huyện Nghĩa Phương- Trường Giang- Vô Tranh; Các dự án đường GT xây dựng nông thôn mới các xã Trường Sơn, Bình Sơn, Vô Tranh, Lục Sơn, Trường Giang	Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 22 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ

STT	Địa điểm	Hệ tọa độ VN2000, (KTT 107 ^o , MC 3 ^o)		Diện tích (ha)	Tài nguyên (1.000m ³)	Mục tiêu bổ sung khu vực không đấu giá	Cơ sở pháp lý khoan định khu vực không đấu giá
		X (m)	Y(m)				
IV. 2	Đất sét, gạch ngói (03 điểm)			34	2.160		
1	Khu vực đồng Dộc Trung, Bến Trại, thôn Vườn, xã Đan Hội	2345 524 2345 530 2345 563 2345 674 2345 758 2345 802 2345 769 2345 847 2345 740 2345 514 2345 540 2345 411	431 864 431 900 431 936 431 970 432 074 432 093 432 157 432 233 432 387 432 173 432 025 431 969	9,5	360	Cung cấp nhu cầu đất sét gạch cho Dự án: Nhà máy gạch tuynel của Công ty TNHH Hoàng Mạnh Việt, địa chỉ: xã Vũ Xá, huyện Lục Nam	Do khu vực mỏ bị hạn chế về hạ tầng giao thông phục vụ việc vận chuyển khoáng sản; áp dụng điểm e khoản 1 Điều 22 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 và khoản 2 Điều 26 Luật Khoáng sản năm 2010
2	Khu vực Dạ Con Trâu, Cánh Gà, Giữa Đồng, thôn Quán Bông, xã Cẩm Lý	2345 495 2345 568 2345 634 2345 750 2345 713 2345 727 2345 755 2345 439 2345 455 2345 435	433 216 433 237 433 219 433 240 433 354 433 459 433 500 433 621 433 475 433 261	9,5	300	Cung cấp nhu cầu đất sét gạch cho Dự án: Nhà máy gạch tuynel của Công ty cổ phần Gạch tuynen Thanh Mai Bắc Giang, địa chỉ: xã Cẩm Lý, huyện Lục Nam	Do khu vực mỏ bị hạn chế về hạ tầng giao thông phục vụ việc vận chuyển khoáng sản; áp dụng điểm e khoản 1 Điều 22 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 và khoản 2 Điều 26 Luật Khoáng sản năm 2010
3	Khu vực Đá Ngăn, Hồ Biêu, thôn Vườn, xã Cương Sơn	2356 740 2356 699 2356 678 2356 627 2356 340 2356 374	441 794 442 037 442 052 442 221 442 162 441 722	15	1.500	Cung cấp nhu cầu đất sét gạch cho Dự án: Nhà máy gạch tuynel của Công ty TNHH Phương Sơn (địa chỉ: xã Cương Sơn, huyện Lục Nam), Công ty cổ phần gạch Cầu Sen (địa chỉ: thị trấn Đồi Ngô, huyện Lục Nam) và Công ty cổ phần Tân Xuyên (địa chỉ: xã Tân Dĩnh, huyện Lạng Giang)	Do khu vực mỏ bị hạn chế về hạ tầng giao thông phục vụ việc vận chuyển khoáng sản; áp dụng điểm e khoản 1 Điều 22 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 và khoản 2 Điều 26 Luật Khoáng sản năm 2010

STT	Địa điểm	Hệ tọa độ VN2000, (KTT 107°, MC 3°)		Diện tích (ha)	Tài nguyên (1.000m ³)	Mục tiêu bổ sung khu vực không đấu giá	Cơ sở pháp lý khoanh định khu vực không đấu giá
		X (m)	Y(m)				
V	Huyện Sơn Động (03 điểm)			15	1.800		
V.1	Đất san lấp (01 điểm)			5	600		
1	Mỏ đất thôn Lọ, xã Lệ Viễn	2363 402 2363 426 2363 423 2363 361 2363 379 2363 447 2363 593 2363 596	490 986 490 997 491 021 491 085 491 151 491 242 491 243 490 988	5	600	Cung cấp nhu cầu đất sét gạch cho Dự án: San lấp và GPMB mở rộng trường Mầm non Lệ Viễn; Đường từ QL31 vào khu du lịch sinh thái Khe Rồ, xã An Lạc; Nâng cấp xây dựng nhà văn hóa xã Vân Sơn, Đập đá mài xã Vĩnh An, trường THCS An Lập; Cầu Thia-Tu Lim xã Lệ Viễn; Đường bê tông từ gốc Càng đi Nương Tô, xã Vĩnh An	Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 22 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ
V.2	Mỏ cát kết (cát đồi) 02 điểm			10	1.200		
1	Mỏ đá cát kết thôn Tuấn An, xã Tuấn Đạo	2349 754 2349 937 2350 044 2350 214 2350 206 2350 085 2349 972 2349 963 2349 940 2349 880 2349 830 2349 808 2349 781 2349 720	474 772 474 716 474 581 474 525 474 487 474 458 474 498 474 556 474 568 474 555 474 692 474 703 474 684 474 705	5	600	Cung cấp nhu cầu cát, sỏi cho Dự án: Công trình đường GT tuyến Tuấn Đạo - Long Sơn (DH.96) (Điểm đầu đầu nối ĐT 291 thôn Linh Phú, đi thôn Am Hà xã Tuấn Đạo, đi thôn Đăng, thôn Thanh Hương xã Long Sơn, điểm cuối đầu nối QL279); Công trình giao thông Tuấn Đạo, Sơn Động - Đèo Gia; Đường giao thông Tuấn Đạo-Tây Yên Tử (ĐH.96D); Công trình đường GT đoạn An Bá - Tuấn Đạo - Thanh Luận (DH.93C)	Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 22 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ
2	Mỏ cát kết xã Phúc Sơn	2368 330 2368 429 2368 466 2368 384 2368 223	485 501 485 513 485 590 485 840 485 780	5	600	Cung cấp nhu cầu cát, sỏi cho Dự án: Đường bê tông trung tâm xã Đại Sơn đi Biền Động, huyện Lục Ngạn; Xây dựng trường Mầm non Phúc Sơn	Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 22 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ

STT	Địa điểm	Hệ tọa độ VN2000, (KTT 107 ^o , MC 3 ^o)		Diện tích (ha)	Tài nguyên (1.000m ³)	Mục tiêu bổ sung khu vực không đấu giá	Cơ sở pháp lý khoanh định khu vực không đấu giá
		X (m)	Y(m)				
VI	Huyện Lạng Giang: 06 điểm đất san lấp			56	10.300		
1	Khu vực Hồ Dẫy, thôn Kép 11, xã Hương Sơn (khu I)	2366 989 2367 202 2367 276 2366 998	426 085 426 097 426 175 426 201	2,4	350	Cung cấp nhu cầu đất san lấp cho các Dự án: Tuyến đường huyện đoạn QL37 đi đường vành đai V vùng Thủ đô; ĐT 293B: Tuyến ĐT293- QL31- Vôi - Mỹ Hà; tuyến ĐT 295 ĐT292 - Yên Thế; Tuyến đường trục từ Cụm công nghiệp Hương Sơn đi QL1A	Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 22 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ
	Khu vực Hồ Dẫy, thôn Kép 11, xã Hương Sơn (khu II)	2366 726 2366 827 2366 858 2366 951 2366 957 2366 924 2366 628 2366 604	426 039 426 088 426 136 426 146 426 204 426 207 426 162 426 140	3,0	500		
	Khu vực Hồ Dẫy, thôn Kép 11, xã Hương Sơn (khu III)	2366 491 2366 550 2366 593 2366 664 2366 566 2366 449	425 758 425 788 425 875 425 960 425 965 425 793	1,8	150		
2	Khu đồi Cộng, thôn Lèo, thôn Sâm, thị trấn Kép và xã Hương Sơn (Khu I)	2370 022 2370 060 2369 981 2369 940 2369 897 2369 796 2369 771 2369 755 2369 783 2369 896	425 964 426 224 426 239 426 203 426 187 426 195 426 128 426 130 426 029 425 979	5,8	950	Cung cấp nhu cầu đất san lấp cho các Dự án: Xây dựng công viên thị trấn Vôi (công viên số 1); Tuyến đường trục từ đường BT Kép - Nghĩa Hoà đi ĐT 292; Tuyến đường từ Thị trấn Kép mở rộng đi QL 37; Đường trục kết nối từ thị trấn Vôi đi xã Tân Thanh, Dương Đức	Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 22 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ
	Khu đồi Cộng, thôn Lèo, thôn Sâm, thị trấn Kép và xã Hương Sơn (Khu II)	2369 755 2369 747 2369 681 2369 607 2369 650 2369 783	426 130 426 214 426 215 426 059 426 021 426 029	2,3	350		

STT	Địa điểm	Hệ tọa độ VN2000, (KTT 107°, MC 3°)		Diện tích (ha)	Tài nguyên (1.000m ³)	Mục tiêu bổ sung khu vực không đấu giá	Cơ sở pháp lý khoanh định khu vực không đấu giá
		X (m)	Y(m)				
	Khu đồi Cộg, thôn Lèo, thôn Sậm, thị trấn Kép và xã Hương Sơn (Khu III)	2369 903 2369 966 2369 891 2369 835 2369 850 2369 689 2369 682 2369 798 2369 841	426 246 426 320 426 462 426 458 426 387 426 345 426 255 426 253 426 237	3,7	500		
3	Khu vực thôn Khuôn Giàn, xã Hương Sơn (Khu I)	2366 591 2366 660 2366 717 2366 717 2366 727 2366 675 2366 569 2366 617 2366 532	428 094 428 149 428 292 428 334 428 415 428 435 428 341 428 305 428 106	5	1.000	Cung cấp nhu cầu đất san lấp cho các Dự án: Đường kết nối từ ĐT 292 qua Khu công nghiệp An Hà, huyện Lạng Giang đến đường vành đai Đông Bắc, TP Bắc Giang; ĐT398C: Đường gom bên phải tuyến cao tốc Hà Nội- Bắc Giang (Hương Sơn, Tân Hưng, Xương Lâm); Tuyến đường từ trung tâm y tế huyện Lạng Giang đi Mỹ Hà; Đường vành đai V vùng Thủ đô; ĐT 299B (đoạn từ QL37 kết nối huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn); ĐT398D: Đường gom bên trái tuyến cao tốc Hà Nội - Bắc Giang (Hương Sơn, Tân Hưng, Xương Lâm); ĐT292B: Tân Yên- Đào Mỹ - Vôi- QL1; Đường kết nối từ ĐT 292 qua KCN An Hà đến vành đai Đông Bắc; Đường nối từ đường Đại Lâm - An Hà đi đường dẫn lên cầu Đòng Sơn (ĐT 299B)	Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 22 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ
	Khu vực thôn Khuôn Giàn, xã Hương Sơn (khu II)	2366 423 2366 687 2366 751 2366 885 2366 821 2366 608 2366 487 2366 333 2366 374	428 381 428 571 428 519 428 690 428 739 428 739 428 682 428 469 428 385	10	3.000		
	Khu vực thôn Khuôn Giàn, xã Hương Sơn (khu III)	2366 487 2366 255 2366 217 2366 251 2366 210 2366 333	428 682 428 806 428 728 428 665 428 589 428 469	5	1.000		

STT	Địa điểm	Hệ tọa độ VN2000, (KTT 107 ^o , MC 3 ^o)		Diện tích (ha)	Tài nguyên (1.000m ³)	Mục tiêu bổ sung khu vực không đấu giá	Cơ sở pháp lý khoanh định khu vực không đấu giá
		X (m)	Y(m)				
4	Khu vực đồi ông Minh, thôn Hồ Vầu, xã Tân Hưng	2363 980 2363 963 2363 887 2363 885 2363 944 2363 830 2363 820 2363 798 2363 801 2363 732 2363 696 2363 827 2363 815 2363 699 2363 739 2363 850	428 194 428 250 428 242 428 257 428 300 428 378 428 361 428 370 428 399 428 388 428 292 428 232 428 214 428 216 428 119 428 097	5	700	Cung cấp nhu cầu đất san lấp cho các Dự án: Cải tạo, nâng cấp ĐT 295; Tuyến đường trục kết nối từ khu công nghiệp Tân Hưng đi đường Đại Lâm - An Hà	Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 22 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ
5	Khu vực Chùa Cao, thôn Quyết Tiến, xã Xương Lâm	2359 480 2359 542 2359 635 2359 809 2359 809 2359 722 2359 722 2359 617 2359 617 2359 680 2359 677 2359 480	425 134 425 134 425 094 425 174 425 227 425 266 425 409 425 409 425 347 425 286 425 239 425 239	5	600	Cung cấp nhu cầu đất san lấp cho các Dự án: Tuyến đường trục từ thị trấn Vôi đi đường Nghĩa Hưng - Tiên Lục - Dương Đức; Tuyến đường huyện đoạn từ Dương Đức đi Xuân Hương	Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 22 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ
6	Khu vực đồi Hồ Chùa (Hồ Ngái), thôn Cây, xã Hương Sơn	2365 182 2365 299 2365 198 2365 170 2365 123 2364 952	428 568 428 682 428 749 428 841 428 885 428939	7	1.200	Cung cấp nhu cầu đất san lấp cho các Dự án: Tuyến đường vành đai phía Bắc huyện Lạng Giang (đoạn thị trấn Kép đi ĐT 292); Xây dựng công viên số 2 thị trấn Vôi; Dự án cải tạo, mở rộng Quốc lộ 37 (qua xã Hương Sơn)	Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 22 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ

STT	Địa điểm	Hệ tọa độ VN2000, (KTT 107°, MC 3°)		Diện tích (ha)	Tài nguyên (1.000m ³)	Mục tiêu bổ sung khu vực không đấu giá	Cơ sở pháp lý khoanh định khu vực không đấu giá
		X (m)	Y(m)				
		2364 825	428856				
		2364 941	428797				
		2364 950	428733				
		2364 999	428679				
		2365 061	428676				
		2365 099	428734				
		2365 145	428680				
VII	Huyện Yên Thế: 02 điểm đất san lấp			35	4.000		
1	Khu vực Ao Gáo, thôn Ao Gáo, xã Đông Hưu (khu I)	2377 761	415 790	8	800	Cung cấp nhu cầu đất san lấp cho các Dự án: Xây dựng Trung tâm văn hóa, hội nghị của huyện; ĐT 292 thôn Chẽ- Phồn Xương (ĐH Kiểm Lâm - Tân Hiệp); Cải tạo nâng cấp đường trục xã Đông Tâm - Hồng Kỳ; Mở rộng trường THCS Thị trấn Bồ Hạ (TDP Đông Quán); Mở rộng Trường THCS Đông Sơn (thôn Đồi Lánh); Cải tạo nâng cấp đường từ thị trấn Bồ Hạ qua xã Đông Sơn, huyện Yên Thế; Cải tạo nâng cấp đường lên Đền Thượng xã Đông Sơn, huyện Yên Thế; Đường huyện tuyến Đông Kỳ (ĐH268) - Hương Vĩ (Đèo Bụt)- Đông Hưu (Trại Vành), tuyến (TL 242 - Công Châu - Đông Hưu) - Đông Sơn (Bến Trăm), tuyến (Hồng Kỳ) - Đông Hưu (Bãi Gianh), tuyến Bồ Hạ (ĐT292) - 268 (Đông Kỳ), tuyến Đông Kỳ (ĐH268) -Bến Trăm (Đông Sơn); ĐT 293B (tên mới) Tuyến ĐT293 - QL31- Vôi - Mỹ Hà - ĐT 295- ĐT 292-Yên Thế (3 km); Đường huyện Bồ Hạ (ĐT 292 Ba Góc - ĐT 292)	Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 22 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ
		2377 730	415 874				
		2377 780	415 937				
2377 909		415 880					
2377 967		415 896					
2378 073		415 879					
2378 233		415 753					
2378 205		415 622					
2377 994		415 676					
2377 949		415 770					
		2377 829	415 755				
	Khu vực Ao Gáo, thôn Ao Gáo, xã Đông Hưu (khu II)	2377 848	415 955	4,6	700		
		2377 992	415 933				
		2378 067	415 976				
		2378 070	416 124				
		2377 974	416 161				
		2377 812	416 122				
	Khu vực Ao Gáo, thôn Ao Gáo, xã Đông Hưu (khu III)	2378 089	415 976	7,4	1.000		
		2378 129	415 899				
		2378 351	415 821				
		2378 471	415 823				
		2378 467	416 029				
		2378 272	416 072				
		2378 261	416 036				
		2378 152	416 088				

STT	Địa điểm	Hệ tọa độ VN2000, (KTT 107 ^o , MC 3 ^o)		Diện tích (ha)	Tài nguyên (1.000m ³)	Mục tiêu bổ sung khu vực không đấu giá	Cơ sở pháp lý khoanh định khu vực không đấu giá
		X (m)	Y(m)				
2	Khu vực dốc Rừng Dài, xã Tam Tiến	2379 751 2380 055 2380 262 2380 182 2380 078 2380 027 2379 917 2379 970 2379 828	408 494 408 066 408 282 408 493 408 548 408 433 408 484 408 623 408 673	15	1.500	Cung cấp nhu cầu đất san lấp cho các Dự án: Cải tạo, nâng cấp đường trục xã Tân Hiệp (Đoạn QL17 Công Xây - Ngã ba Đồng Tâm), huyện Yên Thế; ĐT 294C (tên mới): Tuyến Cao Thượng - Phúc Hòa, huyện Tân Yên đi Tân Sỏi - Đồng Hưu huyện Yên Thế; ĐH Tam Hiệp (QL17) - Tam Tiến (Núi Lim); ĐH Tam Tiến (QL17, Dốc địa chất - Ngã Tư Quỳnh Lâu xã Tam Tiến - Bản Hồ Tre - Tam Tiến - xã Tân Thành (Phú Bình - Thái Nguyên); Mở rộng trường Mầm non (bản Trại Lốt); Cải tạo, nâng cấp đường tránh thị trấn Mỏ Trạng (đoạn từ QL 17 bản Trầm đi trung tâm xã Tam Tiến)	Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 22 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ
VIII	Huyện Lục Ngạn: 03 điểm đất san lấp			36	9.000		
1	Khu vực đồi Đèo Muội, thôn Hòa Mục, thôn Ngọc Lương và thôn Đông Mai, xã Mỹ An	2359 747 2359 890 2359 955 2359 950 2359 958 2359 735 2359 692	451 627 451 637 451 721 451 835 451 886 451 908 451 774	6	1.500	Cung cấp nhu cầu đất san lấp cho các Dự án: Cải tạo, nâng cấp ĐT 289 đoạn Chũ-Khuôn Thàn; Cải tạo, nâng cấp tuyến Bãi Bằng, xã Kiên Thành đi Trại Na, xã Thanh Hải; Cải tạo, nâng cấp tuyến Ngã ba thôn Phúc Thành (Quý Sơn)-thôn Công (Kiên Lao); Đường liên xã từ thôn Công xã Kiên Lao đi thôn Số 3 xã Quý Sơn; Cải tạo, nâng cấp đường giao thông từ đường ĐH84 đến trụ sở UBND xã Kim Sơn; Cải tạo, nâng cấp đường từ thôn Thích xã Phú Nhuận đi thôn Xạ Nhỏ, xã Đèo Gia; Mở đường kết nối từ thôn Phong Đào ra Quốc lộ 31, xã Đồng Cốc; Cải tạo, nâng cấp đường giao thông từ Tân Quang đi Đồng Cốc; Xây dựng cầu và đường; Xử lý sự cố sạt lở bờ sông Lục Nam đoạn qua thôn Hoà Mục, xã Mỹ An; đường trục thôn Hạ Long, xã Giáp Sơn; đường trục thôn Ngọc Lương, xã Mỹ An; Cải tạo, nâng cấp QL 31; Đường kè bờ sông từ thị trấn Chũ đi xã Phượng Sơn	Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 22 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ

STT	Địa điểm	Hệ tọa độ VN2000, (KTT 107°, MC 3°)		Diện tích (ha)	Tài nguyên (1.000m ³)	Mục tiêu bổ sung khu vực không đấu giá	Cơ sở pháp lý khoanh định khu vực không đấu giá
		X (m)	Y(m)				
2	Khu vực Bò Lầy, thôn Phú Bồng, xã Phụng Sơn (giai đoạn 1)	2358 193 2358 201 2358 389 2358 416 2358 550 2358 537 2358 394	443 180 443 200 443 465 443 933 443 908 443 460 443 152	15	3.000	Cung cấp nhu cầu đất san lấp cho Dự án: Đường nối ĐT.295-ĐT.290 (đoạn Quý Sơn-Hồng Giang), huyện Lục Ngạn	Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 22 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ
3	Khu vực rừng Xô, thôn Hoa Quảng, xã Tân Mộc	2358 063 2358 249 2358 371 2358 415 2358 133	458 760 458 688 458 762 458 931 459 037	15	4.500	Cung cấp nhu cầu đất san lấp cho các Dự án: Xây dựng cầu Đèo Gia đi Phú Nhuận; Đường giao thông từ bến xe Chũ đi thôn Khả Lã, xã Tân Lập; Kè chống sạt lở sông Còng (tuyến đường Đồng Còng đi Tân Thành) xã Tân Mộc; Kè mái đập Ía, xã Tân Mộc; Xử lý sạt lở bờ sông Lục Nam ở các xã Nghĩa Hồ, Quý Sơn, Mỹ An, Phụng Sơn và thị trấn Chũ, huyện Lục Ngạn; Cải tạo, nâng cấp tuyến Tân Lập -Am Vãi - Nam Dương; Đường vành đai thị trấn Chũ, huyện Lục Ngạn; Mở rộng đường giao thông liên thôn xã Tân Lập	Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 22 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ
Tổng cộng: 35 điểm mở				357	50.810		